

MARKET INSIGHTS REPORTS

29.03.2024

DÒNG TIỀN HƯỚNG TỚI CÁC CỔ PHIẾU
ĐƯỢC DỰ BÁO CÓ TRIỂN VỌNG KINH
DOANH TỐT



NỘI DUNG CHÍNH

03 - 04 CHUYÊN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

05 TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG

06 PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Khoảng trống giá thiết lập ngày 6/5/2022 vẫn là kháng cự mạnh trong ngắn hạn

07 HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

07 CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

08 DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

08 TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ

09 BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Tốp doanh nghiệp xuất khẩu dệt may, giày dép;

Một số chỉ tiêu vĩ mô Q1/2024

10 TTCK MỸ

Thị trường chứng khoán Mỹ nghi lễ Phục Sinh tới nay;

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	538
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	159
Số cổ phiếu giảm giá	296
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	83

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	234
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	84
Số cổ phiếu giảm giá	90
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	60

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	450
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	192
Số cổ phiếu giảm giá	129
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	129

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	44,276.65	70,821.24	(26,544.59)
% KL toàn thị trường	4.80%	7.68%	
Giá trị	1,427,225	2,221,327	(794,102)
% GT toàn thị trường	6.15%	9.57%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	2,428.18	1,683.72	744.46
% KL toàn thị trường	4.80%	7.68%	
Giá trị	88,450	33,790	54,660
% GT toàn thị trường	5.00%	1.91%	

UPCOM

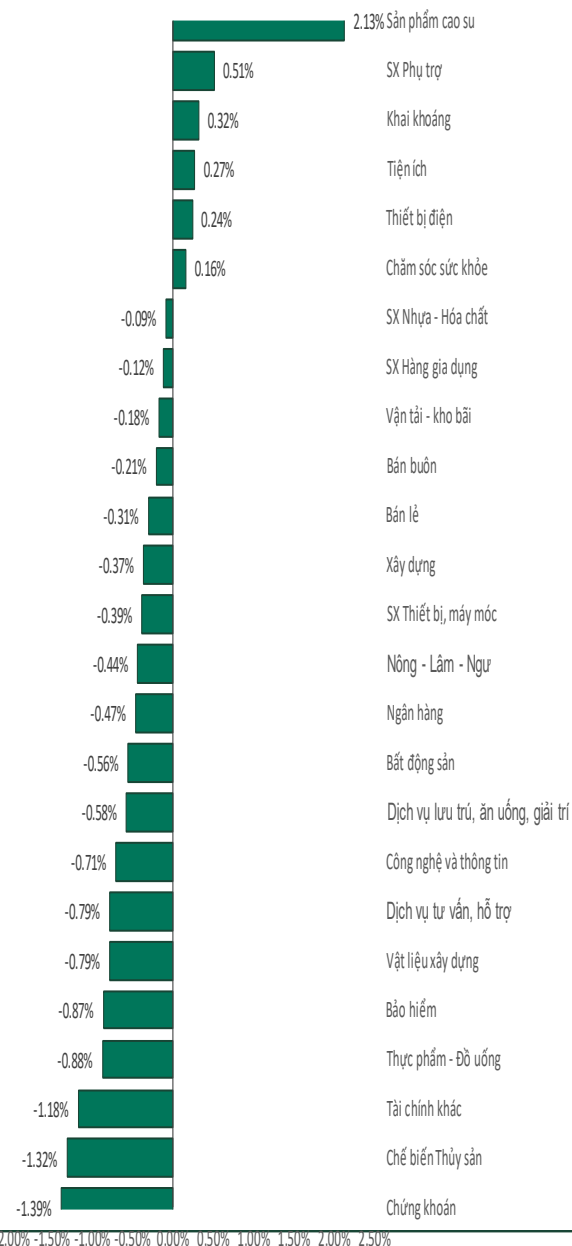
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,649.33	79.43	1,569.90
% KL toàn thị trường	3.36%	0.16%	
Giá trị	31,120	6,011	25,110
% GT toàn thị trường	4.74%	0.92%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

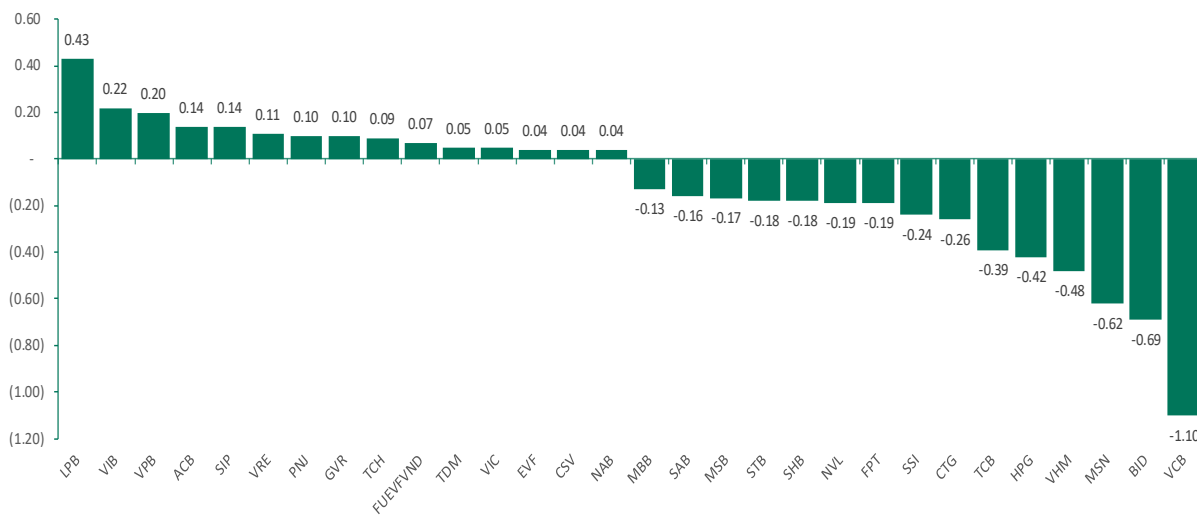
TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	801,200	94,900	-800 (-0.84%)	16.06	3.15	5,910	530,405
2	BID	1,788,300	52,100	-500 (-0.95%)	16.67	2.42	3,125	296,993
3	CTG	4,490,100	35,550	-200 (-0.56%)	10.18	1.50	3,491	190,903
4	VHM	7,686,900	42,850	-450 (-1.04%)	5.59	1.02	7,664	186,585
5	GAS	616,400	80,200	-100 (-0.12%)	16.13	2.82	4,972	184,199
6	VIC	3,524,600	47,650	50 (0.11%)	85.86	1.23	555	182,197
7	HPG	14,821,800	30,250	-300 (-0.98%)	27.08	1.71	1,117	175,897
8	TCB	6,403,800	47,550	-450 (-0.94%)	8.31	1.27	5,725	167,495
9	VPB	20,541,100	19,750	100 (0.51%)	13.67	1.12	1,445	156,695
10	FPT	1,343,500	116,500	-600 (-0.51%)	24.99	4.94	4,661	147,951

TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH



TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



Dòng tiền hướng tới cổ phiếu được dự báo có triển vọng kinh doanh tốt

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 6.09 điểm (-0.47%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Sản phẩm cao su, sản xuất phụ trợ, khai khoáng, tiện ích, thiết bị điện, chăm sóc sức khỏe, vật liệu xây dựng... là nhóm tăng giá nhiều nhất trên sàn trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như DRC, CSM, SRC, PTB, TMT, PLC, PVS, PVD, PVC, PVB, GEX, PAC, DHG, IMP, DHT, VCS... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) DRC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đã kết thúc sóng 4 giảm giá và hình thành sóng 5 tăng giá;
- ✓ Mục tiêu giá sóng 5 là 41;
- ✓ PTI = 65 > 35 cho thấy xác suất thành công của mục tiêu giá sóng 5 là cao;
- ✓ Q1/2024, DRC có thể kinh doanh tốt với mức lãi ròng hơn 100 tỷ;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 53%;

(ii) PTB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Opening Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu kết thúc sóng 4 giảm giá và hình thành sóng 5 tăng giá;
- ✓ Mục tiêu sóng 5 là 69 – 73;
- ✓ PTI = 53 > 35 cho thấy xác suất thành công của mục tiêu giá sóng 5 là cao;
- ✓ Xuất khẩu đồ gỗ và đá đang phục hồi tốt sẽ hỗ trợ KQKD của PTB trong năm 2024;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 58%;

(iii) VCS tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Opening Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 5 tăng giá mới mục tiêu giá 83;
- ✓ Việc xây dựng nhà ở Mỹ đang phục hồi mạnh là cơ sở giúp VCS tăng trưởng lợi nhuận trong năm 2024;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 59%;

(iv) PVD tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small Black Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ của khối lượng;
- ✓ Dải băng chưa mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu cản trở đã tăng giá của PVD;

- ✓ Phân kỳ âm giữa RSI(14) và giá là tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 54%;

(v) PVS tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá phục hồi khi chạm hỗ trợ sóng 3 tăng giá với mục tiêu 42;
- ✓ Thông tin về thỏa thuận cuối cùng của Lô B – Ô Môn được ký kết là động lực tăng trưởng trong trung hạn cho PVS;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 55%;

(2) Chứng khoán, chế biến thủy sản, tài chính khác, thực phẩm đồ uống, bảo hiểm, dịch vụ tư vấn hỗ trợ, công nghệ thông tin... là nhóm ngành giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như SSI, VND, HCM, SHS, VIX, FTS, BSI, VHC, ANV, ASM, FMC, IDI, IPA, OGC, TVC, BVH, PTI, TV2, FPT, CTR, CMG... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) SSI giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Closing Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá đang ở mục tiêu sóng 5 và có thể đạt đỉnh ngắn hạn – Nhà đầu tư cần quan sát thận trọng;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 51%;

(ii) VND giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long Back Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ từ khối lượng;
- ✓ Dải băng thu hẹp chưa rõ xu hướng biến động mới của cổ phiếu;
- ✓ Giá đạt đỉnh sóng 5 và có xu hướng giảm - Hình thành ABC hoặc 12345;
- ✓ Về lý thuyết, với sự cố vừa xảy ra, VND sẽ có kết quả kinh doanh thấp hơn kỳ vọng;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 55%;

(iii) CTR giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ từ khối lượng;
- ✓ Giá chạm mục tiêu tăng giá sóng 5 mà chúng tôi từng viết và giờ cổ phiếu đang hình hành sóng giảm đối kháng;
- ✓ Hỗ trợ khi giảm giá là 116 – 128;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 58%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Khoảng trống giá thiết lập ngày 6/5/2022 vẫn là kháng cự mạnh trong ngắn hạn – Chỉ số cần tái tích lũy trước khi có thể chinh phục

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Long Black Candle”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá giảm khối lượng giảm là mô hình giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng. Hiện nay, VND một công ty chiếm tới 7% thị phần giao dịch vẫn bị ngất kết nối nên khối lượng giao dịch chưa phản ánh toàn cảnh thị trường lúc này. Do vậy, chúng ta nên nhìn mã cổ phiếu thay vì chỉ tập trung khối lượng toàn thị trường

Các điểm cần lưu ý:

(i) Chỉ số VN-Index gặp khó khăn khi chưa thể bứt phá mạnh mẽ. Đây là khu vực khoảng trống giá thiết lập 6/5/2022 và thông thường quay trở lại, đây là khu vực kháng cự tiềm năng lớn. Do vậy, việc giao dịch cần thời gian tái tích lũy cũng là điều thường thấy. Điểm sáng là việc thị trường có sự phân hóa, xoay tua và nhiều cổ phiếu thiết lập mốc đỉnh cao mới trong 52 tuần, đỉnh gần nhất hoặc đỉnh cao mọi thời đại. Dòng tiền đang hướng tới những cổ phiếu được dự báo kinh doanh tốt như PTB, VCS, PLC, CSV... và thông thường đó là tín hiệu của sự bền vững.

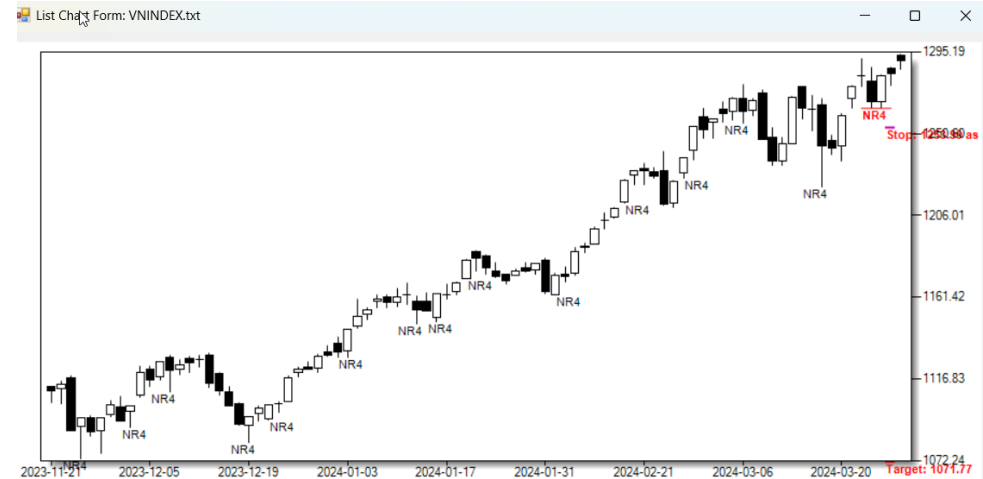
(ii) Khối ngoại tiếp tục có một phiên bán ròng gần 800 tỷ đồng. Lượng bán ròng tập trung ở MSN, VHM, VND, VNM, NVL... trong khi lượng mua ròng tập trung ở nhóm chứng khoán, MWG, VPB, TCH, CSV, FRT... Chúng tôi thấy rằng khối ngoại đã bán ròng trong suốt 3 năm qua và quy mô giao dịch của khối ngoại với thị trường hiện tại không lớn nên ảnh hưởng về tâm lý sẽ nhỏ hơn giai đoạn trước. Chừng nào mà việc bán ròng cổ phiếu của khối ngoại không làm giá cổ phiếu đi xuống thấp hơn thì đây không phải là rủi ro của thị trường. Tuy nhiên, tổng thể trong ngắn hạn những mã bị bán ròng mạnh khó có thể bứt phá như trường hợp của VHM. Thật khó có thể đánh giá xu hướng bán ròng này bao giờ kết thúc nhưng chúng ta có thể kỳ vọng chu kỳ năm tài chính mới của khối ngoại bắt đầu từ ¼ sẽ có thay đổi trong cách tiếp cận với thị trường của nhà đầu tư nước ngoài.

(iii) Dải băng trên đã mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 08 mã cho tín hiệu mua, 08 mã cho tín hiệu bán, 14 mã cho tín hiệu đi ngang. VIC, ACB, VJC, VPB, VIB, TCB... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 51% và 69.23% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch giảm điểm với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 2. Kháng cự là 1,300 điểm. Hỗ trợ là 1,200 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu STB



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	536.16	537.33	534.99	NO	538.51	543.19	545.54	550.22	531.48	529.13	524.45	522.1
HNXINDEX	243.2	243.51	242.89	NO	243.81	245.05	245.66	246.9	241.96	241.35	240.11	239.5
UPIINDEX	91.56	91.56	91.56	YES	91.77	91.97	92.18	92.38	91.36	91.15	90.95	90.74
VN30	1299.29	1300.49	1298.1	YES	1303.62	1310.33	1314.66	1321.37	1292.58	1288.25	1281.54	1277.21
VNINDEX	1286.43	1287.59	1285.26	YES	1290.41	1296.74	1300.72	1307.05	1280.1	1276.12	1269.79	1265.81
VNXALL	2095.42	2096.7	2094.15	YES	2102.33	2111.78	2118.69	2128.14	2085.97	2079.06	2069.61	2062.7
VN30F1M	1300.33	1301.45	1299.22	YES	1305.37	1312.63	1317.67	1324.93	1293.07	1288.03	1280.77	1275.73
VN30F1Q	1301.7	1302.4	1301	YES	1304.4	1308.5	1311.2	1315.3	1297.6	1294.9	1290.8	1288.1
VN30F2M	1304.97	1304.25	1305.68	YES	1311.33	1316.27	1322.63	1327.57	1300.03	1293.67	1288.73	1282.37
VN30F2Q	1302	1301.5	1302.5	YES	1305	1307	1310	1312	1300	1297	1295	1292
BCM	65.1	65.2	65	NO	65.3	65.7	65.9	66.3	64.7	64.5	64.1	63.9
ACB	28.43	28.4	28.47	NO	28.72	28.93	29.22	29.43	28.22	27.93	27.72	27.43
BID	52.43	52.6	52.27	NO	52.87	53.63	54.07	54.83	51.67	51.23	50.47	50.03
BVH	42.93	43.03	42.84	NO	43.22	43.68	43.97	44.43	42.47	42.18	41.72	41.43
CTG	35.48	35.45	35.52	YES	35.82	36.08	36.42	36.68	35.22	34.88	34.62	34.28
GVR	33.25	33.3	33.2	NO	33.6	34.05	34.4	34.85	32.8	32.45	32	31.65
FPT	116.57	116.6	116.53	YES	117.13	117.77	118.33	118.97	115.93	115.37	114.73	114.17
GAS	80.53	80.7	80.37	NO	80.87	81.53	81.87	82.53	79.87	79.53	78.87	78.53
HDB	24.07	24.05	24.08	YES	24.33	24.57	24.83	25.07	23.83	23.57	23.33	23.07
HPG	30.37	30.42	30.31	NO	30.48	30.72	30.83	31.07	30.13	30.02	29.78	29.67
MBB	25.37	25.35	25.38	YES	25.58	25.77	25.98	26.17	25.18	24.97	24.78	24.57
MSN	74.97	75.35	74.58	NO	75.73	77.27	78.03	79.57	73.43	72.67	71.13	70.37
MWG	51.3	51.4	51.2	NO	51.8	52.5	53	53.7	50.6	50.1	49.4	48.9
PLX	37.43	37.5	37.37	NO	37.67	38.03	38.27	38.63	37.07	36.83	36.47	36.23
POW	11.42	11.43	11.41	YES	11.48	11.57	11.63	11.72	11.33	11.27	11.18	11.12
SAB	56.93	57.05	56.82	NO	57.17	57.63	57.87	58.33	56.47	56.23	55.77	55.53
SSB	22.07	22.05	22.08	YES	22.18	22.27	22.38	22.47	21.98	21.87	21.78	21.67
SHB	11.47	11.5	11.43	NO	11.53	11.67	11.73	11.87	11.33	11.27	11.13	11.07
SSI	38.7	38.8	38.6	NO	38.9	39.3	39.5	39.9	38.3	38.1	37.7	37.5
TCB	47.75	47.85	47.65	NO	47.95	48.35	48.55	48.95	47.35	47.15	46.75	46.55
STB	31.93	32.1	31.77	NO	32.27	32.93	33.27	33.93	31.27	30.93	30.27	29.93
TPB	19.1	19.1	19.1	YES	19.2	19.3	19.4	19.5	19	18.9	18.8	18.7
VHM	43.13	43.28	42.99	NO	43.42	43.98	44.27	44.83	42.57	42.28	41.72	41.43
VCB	95.23	95.4	95.07	NO	95.57	96.23	96.57	97.23	94.57	94.23	93.57	93.23
VIB	24.53	24.5	24.57	NO	25.07	25.53	26.07	26.53	24.07	23.53	23.07	22.53
VIC	47.62	47.6	47.63	YES	47.93	48.22	48.53	48.82	47.33	47.02	46.73	46.42
VJC	102.93	102.9	102.97	YES	103.47	103.93	104.47	104.93	102.47	101.93	101.47	100.93
VNM	67.83	67.95	67.72	NO	68.17	68.73	69.07	69.63	67.27	66.93	66.37	66.03
VPB	19.67	19.63	19.71	NO	19.88	20.02	20.23	20.37	19.53	19.32	19.18	18.97
VRE	25.77	25.73	25.81	NO	26.03	26.22	26.48	26.67	25.58	25.32	25.13	24.87

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì căn theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	Avg Volume 10 Days	Change %	Daily Returns %
HPX	15,089,500	7,487,790	202	-4.15
POM	7,131,100	1,599,460	446	-4.17
DRC	4,582,700	1,468,350	312	3.08
PVX	2,678,800	840,570	319	0
CSV	1,757,400	806,430	217.92	6.23
S99	1,409,600	515,840	273	4.84
APH	1,254,900	609,250	206	2.63
DVM	1,190,600	452,500	263.12	0.86
DCS	1,083,000	98,410	1,101	20
HMC	939,600	15,540	6,046	6.88
PIV	835,900	200,600	416.7	5.41
SIP	668,900	309,440	216	3.41
PVV	630,000	62,530	1,008	-6.67
BII	620,800	133,690	464	0
TAR	552,800	166,030	333	0
SVD	488,500	97,550	500.77	6.77
VHE	467,400	114,070	410	6.9
DPS	426,800	112,230	380	0
PVL	410,100	95,600	429	11.43
KSH	406,800	143,530	283	0
DTI	370,200	129,210	286.51	5.88
ATG	340,100	35,040	971	11.36
AMS	336,000	144,430	233	0.94
GPC	329,100	52,910	622	7.69
SCI	314,000	104,640	300	4.48
VKC	245,600	62,440	393.34	-11.11
DIC	243,500	73,550	331	7.69
NHP	240,100	76,300	315	25
ABI	221,700	45,120	491	-0.79
HFX	211,000	2,960	7,128	14.29
SCL	195,100	82,740	236	0.63
BCE	186,600	64,950	287	-1.79
HIO	177,700	33,630	528	14.89
FTM	171,000	79,290	216	0
PVE	155,600	5,220	2,981	-11.11
BIC	148,900	71,380	209	0.17
SGB	144,300	35,470	407	-2.07
VIT	136,900	18,130	755	9.44
PSG	132,900	13,160	1,010	0
LBM	132,700	28,720	462	2.97

- Lưu ý: HPX, POM, DRC...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
27-Mar	VGI	Mua	≤ 41	10% -20%	Sóng 5 tăng giá hình thành với mục tiêu 50
27-Mar	MSR	Mua	≤ 16.5	10% -20%	Cổ phiếu kết thúc chuỗi sogs giảm giá và đang hình thành xu hướng tăng giá mới
27-Mar	DXG	Mua	≤ 21	10% -20%	Sóng 5 tăng giá hình thành với mục tiêu 25

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;
- Hỗ trợ ngắn hạn là vùng giá 1,200 điểm. Kháng cự là vùng giá 1,300 điểm;
- Thị trường có xu hướng đẩy giá và luân theo cổ phiếu theo ngày;
- Dòng tiền vẫn đang hướng tới các cổ phiếu ngân hàng Underperformance như LPB, VPB
- Các nhóm cổ phiếu thanh khoản vừa phải, có hiệu quả kinh doanh tốt và ROE duy trì nhiều năm ở mức cao đang là điểm đến của dòng tiền như PTB, VCS, CSM...
- Áp lực giảm giá ngắn hạn có thể xuất hiện khi VND thông sàn và một số nhà đầu tư có thể bán cổ phiếu đang lãi hoặc lỗ ít để chuyển sang công ty chứng khoán mới khiến thị trường tăng cung bán;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 27/03, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.998 VND/USD, tăng nhẹ 04 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.147 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 24.800 VND/USD, tăng 30 đồng so với phiên 26/03. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm 50 đồng ở chiều mua vào và 20 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 25.450 VND/USD và 25.580 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 27/03, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,03 đpt ở kỳ hạn ON trong khi tăng 0,10 – 0,20 đpt ở các kỳ hạn còn lại từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, cụ thể: ON 0,33%; 1W 1,60%; 2W 2,0% và 1M 2,32%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 đpt ở các kỳ hạn ON và 2W trong khi đi ngang ở các kỳ hạn 1W và 1M; giao dịch tại: ON 5,21%; 1W 5,29%; 2W 5,35%, 1M 5,40%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giảm nhẹ ở kỳ hạn 7Y; chốt phiên ở mức: 3Y 1,55%; 5Y 1,73%; 7Y 2,11%; 10Y 2,58%; 15Y 2,76%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 3.000 tỷ đồng với kỳ hạn 7 ngày, lãi suất vẫn giữ ở mức 4,0%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh này. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN với kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 8.700 tỷ đồng tín phiếu trúng thầu với lãi suất tăng lên mức 2,20%. Như vậy, NHNN hút ròng 8.700 tỷ đồng từ thị trường trong phiên hôm qua, khối lượng tín phiếu lưu hành trên thị trường tăng lên mức 164.298,8 tỷ đồng.

Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và đề tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

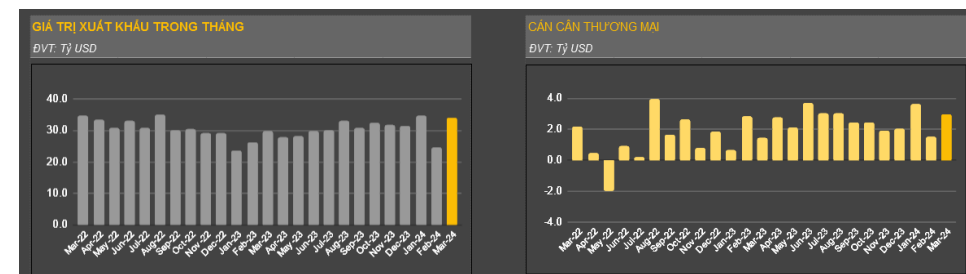
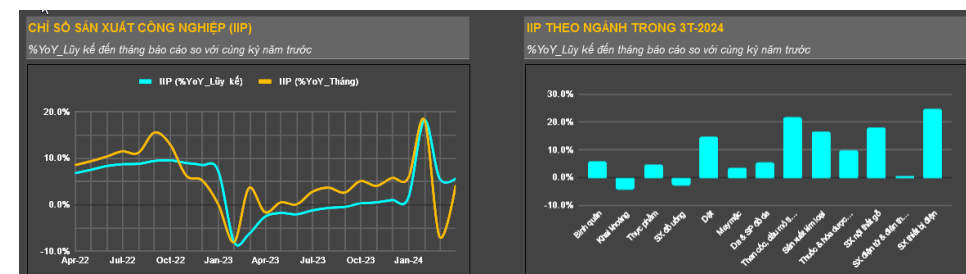
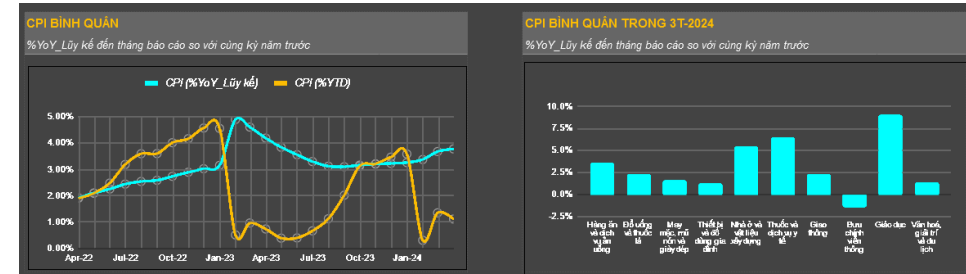
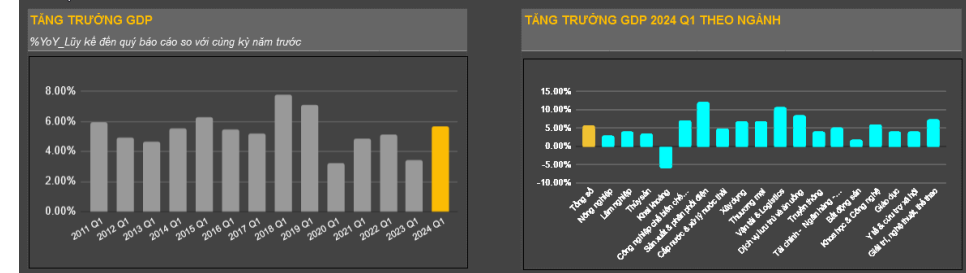
- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Tốp doanh nghiệp xuất khẩu dệt may, giày dép

TÊN DOANH NGHIỆP (Vnese)	2024 02	2024 01	2023 12	2023 11	2023 10	2023 09	2023 08	2023 07	2023 06	2023 05	2023 04	2023 03	2023 02
CÔNG TY TNHH GAIN LUCKY (VIỆT NAM)	122.911.308	71.252.483	692.605.698	639.326.584	573.195.981	504.736.965	449.362.809	384.676.409	336.337.060	288.004.482	209.686.119	154.427.415	91.096.647
CÔNG TY TNHH REZHA MIRACLE INTERNATIONAL	84.624.020	55.040.850	609.642.111	556.063.891	505.241.948	472.170.477	419.378.004	374.792.157	323.395.458	257.260.956	200.801.380	159.000.639	87.642.749
CÔNG TY CỔ PHẦN TEX-GING	82.742.424	63.741.201	203.388.953	159.435.470	88.899.448	43.333.777	23.904.513	21.021.063	16.692.759	13.540.439	11.002.337	9.863.010	7.274.876
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN	79.684.879	55.156.194	464.064.524	418.354.111	375.849.226	336.366.573	309.058.853	258.823.369	213.643.210	176.439.149	135.450.096	90.292.934	66.407.663
CÔNG TY TNHH WORLDPHON (VIỆT NAM)	69.585.038	43.447.471	541.588.264	505.228.910	458.022.158	414.411.811	388.597.494	326.363.397	264.471.548	218.949.294	155.163.139	92.462.123	57.305.043
CÔNG TY TNHH MAY TRỊNH LỢI	66.516.458	37.988.071	556.553.220	511.080.131	436.923.511	385.806.272	345.599.188	284.301.411	230.297.095	191.316.387	145.062.255	101.478.774	59.643.493
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI THG	45.497.813	26.968.643	346.670.222	321.990.763	294.721.824	265.804.342	200.860.169	162.699.624	129.790.649	97.151.310	66.608.647	40.252.169	
CÔNG TY CP MAY XUẤT KHẨU HÀ PHONG	44.839.628	26.761.138	239.173.646	215.445.257	202.042.644	185.979.970	169.852.086	136.896.969	111.170.766	83.618.876	61.289.829	45.666.688	30.519.637
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ PHONG PHÚ	42.456.872	25.532.017	189.937.185	165.878.383	147.354.513	132.778.526	120.754.228	104.964.554	93.322.252	75.485.365	56.695.758	45.830.296	28.874.195
CÔNG TY TNHH SAKURA VIỆT NAM	41.038.992	27.899.872	357.494.775	323.800.936	284.086.736	246.465.356	218.627.403	181.147.882	140.229.698	106.786.006	78.896.616	54.980.188	30.762.761
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SỐNG HỒNG	39.829.539	20.847.258	244.573.883	223.764.312	201.339.172	186.007.309	171.200.363	145.531.264	118.993.947	87.416.449	65.510.818	43.349.586	24.496.712
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HÒA THO	37.727.935	23.918.137	216.244.082	193.630.354	175.103.102	161.416.074	145.924.856	126.278.674	100.939.572	81.195.760	66.629.327	52.199.812	34.329.087
CÔNG TY TNHH CRYSTAL MARTIN (VIỆT NAM)	37.504.832	25.518.262	219.330.145	196.973.753	180.073.360	158.151.220	144.213.183	127.927.265	100.047.685	87.292.884	74.761.440	51.809.655	39.314.812
CÔNG TY TNHH MAY MÀC MALKOT VIỆT NAM	36.104.175	20.556.543	236.000.824	214.399.259	196.798.290	183.203.404	165.949.176	137.599.977	115.991.910	92.624.824	74.190.212	56.460.635	34.277.832
CÔNG TY TNHH MAUPORT LIMITED (VIỆT NAM)	35.060.519	22.705.570	185.296.340	167.132.723	148.719.048	134.028.108	118.985.618	98.528.499	82.088.737	71.276.099	53.201.501	37.759.395	27.528.720
CÔNG TY TNHH YOUNGONE NAM ĐỊNH	34.693.006	22.378.018	287.978.790	262.917.078	239.865.965	220.809.708	204.010.895	176.763.130	150.174.717	117.898.600	84.316.189	61.127.629	37.971.403
CÔNG TY TNHH HANESBRANDS VIỆT NAM HUE	34.022.565	19.362.496	199.408.309	185.914.638	173.105.219	158.214.791	142.452.162	123.835.881	105.469.074	85.326.019	64.587.130	42.789.670	25.298.188
CÔNG TY TNHH ESPRITA (VIỆT NAM)	33.676.192	23.838.158	224.264.524	201.851.660	184.775.845	157.227.276	132.373.189	120.717.829	96.972.355	71.710.411	48.261.390	34.859.875	17.802.628
CÔNG TY TNHH MAY MÀC ALLIANCE ONE	31.456.526	16.411.990	137.891.386	127.291.277	114.463.145	104.830.128	97.268.372	89.711.596	84.546.319	74.909.414	63.665.296	41.481.650	25.588.959
TỔNG CÔNG TY MAY 10 - CÔNG TY CỔ PHẦN	30.213.788	15.725.786	182.137.560	165.351.749	150.027.802	137.144.202	126.452.514	105.100.279	86.543.916	69.037.799	52.466.129	39.558.362	28.011.030
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TÂN ĐẾ	27.584.722	18.475.379	276.295.015	250.234.104	239.255.073	216.634.532	201.741.592	175.623.725	138.770.989	110.016.722	78.472.260	56.487.500	38.476.725
CÔNG TY TNHH DỆT MAY ECLAT VIỆT NAM	27.441.458	16.454.466	154.104.073	138.731.823	125.373.775	108.698.446	98.230.228	83.664.844	72.165.444	61.443.756	47.604.893	29.928.948	19.227.924
CÔNG TY TNHH T&T	25.482.825	15.666.355	193.907.160	177.275.644	155.074.604	143.328.371	131.611.289	117.866.981	104.967.844	85.302.203	72.659.722	54.152.032	34.949.410
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN FASHION GARM	25.265.608	16.244.972	189.291.904	169.734.026	154.365.731	134.676.851	120.322.492	104.940.264	87.998.076	70.393.777	55.878.694	38.070.631	21.337.061
CÔNG TY TNHH MAY MÀC FIRST TEAM VIỆT NAM	25.232.462	18.145.101	249.918.174	233.944.108	211.388.390	184.041.157	160.690.836	130.006.937	99.484.820	61.979.993	30.160.362	15.852.270	9.527.744
CHI NHANH CÔNG TY TNHH T&T ĐẶC TRẦN THỊ HẢI	24.394.987	24.256.644	3.886.174	3.483.683	3.483.683	3.483.683	3.483.683	1.420.137	1.420.137	0	0	0	0
CÔNG TY TNHH UNISOL VINA	22.875.832	13.732.622	130.753.594	121.010.336	109.328.187	101.769.115	90.598.188	75.890.904	61.672.584	42.677.617	28.393.506	20.220.479	9.395.445
CÔNG TY TNHH APPAREL PAR EASTERN (VIỆT NAM)	21.630.517	12.826.613	135.915.124	123.881.134	111.272.551	99.246.781	93.652.349	78.884.325	68.997.454	55.691.879	42.880.963	30.440.892	19.500.404
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY HÀ NHÌ	20.846.081	12.316.786	106.271.292	95.997.314	84.538.863	73.962.813	63.852.069	47.546.450	40.653.012	32.434.978	23.997.691	19.231.062	14.066.770
CÔNG TY CP ĐỒNG TIẾN	20.796.381	12.927.865	121.723.004	112.564.706	102.765.657	95.634.138	83.186.943	70.254.775	55.191.715	44.413.738	35.479.845	27.106.911	18.471.108

Một số chỉ tiêu vĩ mô Q1/2024



Intel có phân kỳ dương cảnh báo sự đảo chiều ở đáy ?



NVIDIA điều chỉnh giảm về EMA(21) ngày – Cơ hội để mua



Nasdaq đang đối mặt với kháng cự mạnh và khả năng tiếp tục đi trong khung ?



Vốn hóa vừa và nhỏ thiết lập mô hình tăng giá trên đồ thị tuần ?



Kết luận: Dự báo chỉ số DownJones sẽ tiếp tục tăng điểm và Nasdaq có thể giảm.

(*)**Bản quyền:** Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest


Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



Báo cáo thực hiện bởi Trung tâm nghiên cứu và phân tích

CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 0243 573 9779 (máy lẻ 666 / 888)

 trungtamcskh@aas.com.vn

Mở tài khoản ngay

